

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

1Date: Sept 10, 1984A. BASIC IDENTIFICATION DATA.

1. Name : LO TRINH HUNG
2. Other name : N/A
3. Date/Place of Birth : Feb 20, 1950, Lao Cai (North VN)
4. Residence Address: X7 To Hien Thanh P20 Quan 10 TP Ho Chi Minh
5. Mailing Address: Mrs. NUNG THI TAM
6. Current Occupation: N/A

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME.

NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W) or Single (S).

Name	Date/Place of Birth	Sex	MS	Relationship
1. TRAN THI NGOC	Feb. 13, 1949 Thu Dau Mot	F	M	Wife
2. LO THI NGOC BICH	Feb. 17, 1978, Ho Chi Minh City	F	S	Daughter.
3. LO NGOC BAO	June 16, 1982, Ho Chi Minh City	M	S	Son.
4.				

NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificate (if married), identification card (if available) and photos.

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM.

NAME : MR. SE KHU MINH

1. Closest Relative in the U.S. Relationship: UNCLE

2. Closest Relative in other Foreign Countries.

- a. Name : NUNG THI TAM
- b. Relationship: Aunt
- c. Address: _____

D. COMPLETE FAMILY LISTING (LIVING/ DEAD).

Name

Address

1. Father : LO NGAN DUNG (DEAD); Enclosed a Basic data of him.
2. Mother : NUNG THI DINH (DEAD)
3. Spouse : TRAN THI NGOC 87 Le Hien Thanh P20, Quan 10, TP Ho Chi Minh.
4. Former spouse (if any): N/A
5. Children
- (1) LO THI NGOC BIEH id-
- (2) LO NGOC BAO id-
6. Siblings
- (1) LO TRINH PHUNG and his family is id-
- (2) PHAM THI MAI HUONG id-
- (3) LO THIEN PHUOC id-
- (4) LO KIM THUY id-
- (5) LO THI MY LINH id-
- (6) LO THI THANH LOAN id-
- (7) LO TRINH KHOI id-
- (8) LO TRINH GIANG id-
- (9) LO TRINH HAO id-
- (10) id-

E. EMPLOYMENT BY U.S. GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER U.S. ORGANIZATIONS OF YOU OR YOUR SPOUSE : N/AF. SERVICE WITH GVN or RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE.

1. Name of Person serving: LO TRINH HUNG
2. Date : From Oct. 1973 To April 30, 1975
3. Last ^{Position} Rank : Deputy Chief Agriculture Office, AN GIANG Town.
4. Ministry/Office/Military unit: Agriculture Ministry
5. Name of Supervisor/O.O. MA TÂN THAT TRINH, Agricul. Minister.
6. Reason for leaving: Refugee (April 30, 1975)
7. Name of American Advisor: N/A
8. U.S. Training Courses in VN: Low lip pump Course at Agricul. University CAO THO
From March 28, 1974 To June 24, 1974.
9. U.S. Awards or Certificates: N/A

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU or YOUR SPOUSE: N/A

H. RE-EDUCATION OF YOU or YOUR SPOUSE.

1. Name of Person in Reeducation: LO TRINH HUNG

2. Total time in Reeducation: 4 year 5 months days.

3. Still in Reeducation? yes No ☒

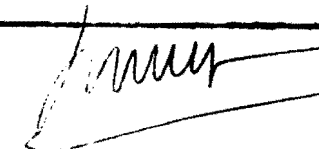
If released, we must have a copy of your release certificate.

I. ANY ADDITIONAL REMARKS ?

1. My family were issued the Exit Permits to France N- 47941 TH⁰ 47950 TH since Apr. 30, 1983 (10 Exit Permits). But the French Government has refused to issue us the Entry Permits, because our Grandfather who sponsored us died already, and my mother too.
2. Nationality: Our family belong to NTUC Ethnic minority group (evacuated to South VN in 1954) .
3. We had sent one copy of the completed Questionnaire and documents to OIP office Bangkok and another copy to Migration and Refugee Services, 1512 Massachusetts Avenue, N.W. Washington D.C. 20005 since April 1984 (Reference: USCC case Number VN 13,066) but we have not received any information on our application from office Bangkok.

J. DOCUMENTS ENCLOSED.

- +1. 1 Basic Biographical Data Sheet of my Father
2. 1 Death info letter
3. 1 Report to Reeducation certificate
- +4. 2 Pre-75 ID Card
5. 2 Death certificates
6. 1 Release certificate
- +7. 2 Marriage certificates
- +8. 2 Engineer Diplomas
9. 10 Exit Permits
- +10. 13 Birth certificates
- +11. 2x13 photos .

Signature:  Date: Sept. 10, 1984.

LO TRINH HUNG
X7 To Hien Thanh, P20, Quan 10
TP. Ho Chi Minh, VIETNAM.

SỞ TƯ PHÁP HUẾ

TÒA H.G.R.Q. BÌNH-THUẬN

Ngày 30 tháng 10 năm 1957

CHỨNG CHỈ THAY GIẤY

Năm một ngàn chín trăm Năm Mươi Mấy

ngày Ba Mươi tháng Mười hời Tám giờ.

Trước mặt chúng tôi là NGUYỄN VĂN HO Chánh-án

Tòa Hòa Giải Rộng Quyền Bình Thuận, ngồi tại văn-phòng ở

Phan Thiết. Có Lục-sự TRƯƠNG QUANG HIỂN giúp việc

KHAI SINH

của tên

ĐÃ ĐẾN HẬU

LO-TRINH-HUỖ

LO-NGAN-DZUNG 31 tuổi, nghề nghiệp Quân-Nhân

sinh quán làng Baxat, tỉnh Lạchay (Bắc-phần)

hiện trú tại K.B.C. 4.287

thẻ căn-cước số 000.479 ngày 9.2.1956

do Nha Hành-Chánh Dalat cấp.

Thỉnh cầu Tòa-án cấp một bản chứng-chỉ thế vi khai-sinh

cho con y theo như đơn đã đệ tại bản Toà ngày 22.9.1957

Đương sự dẫn ba nhân chứng sau đây để chứng thực lời khai của y :

1/ NGUYỄN VĂN TU 42 tuổi, nghề nghiệp Quân-nhân

trú ngụ tại K.B.C. 4.287 thẻ căn cước số A 000799

ngày 18.10.1955 do Nha Hành-chánh Bình-Khê cấp.

2/ LƯƠNG HANG 35 tuổi, nghề nghiệp Quân-nhân

trú ngụ tại K.B.C. 4.287 thẻ căn cước số T.310011 - 01517

ngày 21.10.1955 do Nha Hành-chánh Hòa-Đa cấp.

3/ BÌNH VĂN CON tuổi, nghề nghiệp Quân-Nhân

trú ngụ tại K.B.C. 4.287 thẻ căn cước số A 01517

ngày 22.10.1955 do Nha Hành-chánh Hòa-Đa cấp.

Những người chứng này đã tuyên thệ và khai quả quyết biết chắc tên :

LO-TRINH-HUỖ, phái nam, đã sinh ngày Ba Mươi Mươi tháng Hai dương-lịch

Năm Một Ngàn Chín Trăm Năm Mươi (20.02.1950) tại Huyện Khương tỉnh

LACAI (Bắc-Phần) là con ông LO-NGAN-DZUNG 31 tuổi và bà NGUYỄN-THỊ-BÌNH

27 tuổi, vợ cả.

Và duyên cớ mà y không thể xin sao lục khai **sinh** được là vì sự biến cố chiến tranh bản chính đã bị thất lạc. Mấy người chứng đã xác nhận như trên đây nên tôi phát giấy thế vì này cho tên **LO-TRINH-HUNG** chiếu theo các điều 47- 48 H. V. Hộ - Luật.

Và các người chứng có ký tên với tôi và viên Lục-sự sau khi đọc lại.

Lục - Sự,
(Ký tên và đóng dấu)

Thẩm - Phán,
(Ký tên và đóng dấu)

Những người chứng :

1/ **NGUYEN VAN TU** (Ký tên)

2/ **LUONG HANG** (Ký tên)

3/ **BIEN VAN SON** (Ký tên)

Trước bạ tại Phan Thiết.

Ngày **15** tháng **11** năm **1957**
Quyển **6** tờ **67** số **1490** thuế miền

Chủ - Sự

(Ký tên và đóng dấu)

Người đứng xin,
(Ký tên : **LO-NGAI-DEUNG**)

LỤC SAO Y THEO SƠN CHÁNH ĐỀ TẠI
PHÒNG LỤC-SỰ TÒA ÁN G. B. PH. T. H. N.
Phan-Thiết, ngày **3** tháng **4** năm **1962**
CHÁNH LỤC-SỰ



KHAI SANH

Số hiệu : 65

- Nhận-thức chủ ký của ông
 Chủ-Tịch kiêm hộ-Tịch
 xã Định-Thành./-
 Tri-Tâm ngày 5-3-1968
 QUÂN-TRƯỞNG



HOANG-VAN-VINH

- Trích lục y theo bộ khai
 sanh năm 1949./-
 Định-Thành ngày 5-3-1968
 CHỦ-TỊCH kiêm hộ-tịch



HOANG-VAN-VINH

Ấu-nhi :	
(Tên họ)	Trần-thị-Ngọc
Phái :	Fille
Sanh ngày, tháng, năm :	13 Février 1949
Tại :	Hôpital Michelin
Cha :	
(Tên họ)	Trần-văn-Dạ
Tuổi :	/
Nghề-nghiệp :	Sécretaire
Cư-trú tại :	Plantation Michelin
Mẹ :	
(Tên họ)	Phạm-thị-Nha
Tuổi :	/
Nghề-nghiệp :	/
Cư-trú tại :	Plantation Michelin
Vợ (chánh hay thứ) :	1 ^{er} Rang
Người khai :	Janot-Henri
Tuổi :	39 Ans
Nghề-nghiệp :	Gestionnaire de L'hôpital
Cư-trú tại :	Plantation Michelin
Ngày khai :	/
Người chứng thứ nhất :	
(Tên họ)	Hébeisen-Joseph
Tuổi :	45 Ans
Nghề-nghiệp :	Infirmier
Cư-trú tại :	Plantation Michelin
Người chứng thứ hai :	
(Tên họ)	Lê-văn-Hạt
Tuổi :	49 Ans
Nghề-nghiệp :	Infirmier
Cư-trú tại :	Plantation Michelin

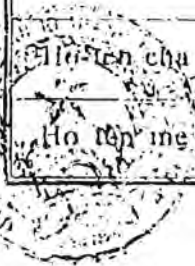
HÀNH- PHỐ HỒ-CHÍ-MINH
Y-BAN NHÂN-DÂN C.M.
Số --- 10 ---
Quê (Xã) ---

BẢN-SAO HÔN-THÚ

WP- 0043
Số hiệu: 346
Năm: 1977

Lập ngày 21 tháng 05 năm 1977

Họ, tên, quốc tịch chồng	LÊ TRỊNH HÙNG - V . N
Ngày và nơi sinh	20/02/1950 tại Lào Kay
Họ tên cha chồng	Lê Ngăn Sang
Họ tên mẹ chồng	Mùng thị Dánh
Họ, tên, quốc tịch vợ	TRẦN THỊ NGỌC - V . N
Ngày và nơi sinh	13/02/1949 tại Thủ Dầu Một
Họ tên cha vợ	Trần Văn Dự
Họ tên mẹ vợ	Phạm thị Kha



SAO LỤC
Thành phố HỒ-CHÍ-MINH, ngày 21 tháng 05 năm 1977



LỖ ĐẤNG ĐĂNG

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
SỐ 02795037
HỌ TÊN LÊ TRỊNH HÙNG
Ngày, nơi sinh 20-2-1950 tại Lào Kay, Hố G. Pham
Cha Lê Ngăn Sang
Mùng thị Dánh
Địa chỉ K-7, đ. xã H.H Phú Thọ

Cao: 1m 614
Nặng: 47 kg
Ngón trỏ mắt
Ngón trỏ trái
Ngón trỏ phải
Dấu vết riêng: Tàn nhang/7 trên trán
Đôi mày trái.
Chữ ký đường sức:
Sàigon ngày 1-10-1969
TUN-GIAM HỌC CANHSAT QUIT
Trưởng-Ty CSQG Quận 10
ĐỒ ĐINH LÂN

20 tháng 10 năm 1977
H. GIANG
A. CHUONG



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Xã, Thị trấn _____

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Thị xã, Quận Ba

BAN SAO

Thành phố, Tỉnh Hồ Chí Minh

GIẤY KHAI SINH

Số 19/F4Quyển số 01

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

HỌ và TÊN	<u>LÔ THỊ NGỌC BÍCH</u> Nam, Nữ <u>Nữ</u>	
Sinh ngày tháng, năm	<u>Ngày mười bảy, tháng hai, năm một ngàn chín trăm bảy mươi tám (17/2/1978)</u>	
Nơi sinh	<u>455 Nguyễn Đình Chiểu</u>	
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	<u>Lô Trịnh Hùng</u> <u>28 T</u>	<u>Trần Thị Ngọc</u> <u>29 T</u>
Dân tộc	<u>Nùng</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp nơi ĐKKK thường trú	<u>Công nhân viên</u>	<u>Giáo viên</u>
Họ, tên, tuổi nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng sinh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>X-7 Tô Hiến Thành</u> <u>242/16 Nguyễn Thiện Thuật</u> <u>Lô Thị Hân</u> <u>455 Nguyễn Đình Chiểu</u>	

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 17 tháng 3 năm 1981TM/UBND Quận 3 ký tên đóng dấu*Đức Thị Nguyệt*Đăng ký ngày 22 tháng 3 năm 1978

(Ký tên, đóng dấu ghi số chức vụ)

Nguyễn Văn Hào
(chữ ký)NGUYỄN VĂN Hào

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT2/P3

Xã, thị trấn

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Thị xã, Quận

Thành phố, Tỉnh

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 118

Quyển số 01



Họ tên	LÔ ĐỐC BẢO		Nam, nữ	Nam
ngày g. năm	Mười sáu, tháng sáu, một nghìn hai (16 - 6 - 1982)			
Nơi sinh	75 A Cầu Thang Quận 3			
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	Trịnh Hùng 1950		Trần Thị Ngọc 1949	
Dân tộc	Việt		Kinh	
Quốc tịch	Việt		Việt	
Nghề nghiệp	Công		Nhà	
Nơi ĐKKK thường trú	Xã T. Huyện Thủ Đức		Xã T. Huyện Thủ Đức	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai			Chưa khai	

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đang ký ngày 28 tháng 6 năm 1982

Ngày tháng năm

TAMUEN

Ký tên đóng dấu



Trần Văn Phương

ĐANG ĐĂNG

SO TU PHÁP HUE

TÒA H.G.R.Q. BÌNH-THUẬN

Ngày 30 tháng 10 năm 1957

CHỨNG CHỈ THAY GIẤY

KHAI SINH

của tên

LO-TRÌNH-PHÙNG

SỐ 16.824

Năm một ngàn chín trăm năm mươi bảy

ngày ba mươi tháng mười hai giờ.

Trước mặt chúng tôi là NGUYỄN VĂN MÔ Chánh-án

Tòa Hòa Giải Rộng Quyền Bình Thuận, ngồi tại văn-phòng ở

Phan Thiết. Có Lục-sư TRƯƠNG QUANG HIEN giúp việc

ĐÃ ĐẾN HẦU

LO-NGÂN-DZUNG, 31 tuổi, nghề nghiệp Quân-nhân

sinh quán tại Barat, tỉnh LAOKAY (Bắc-phần)

hiện trú tại K.B.C 4.287

thẻ căn-cước số 000.479 ngày 9.2.1956

do Nha Hành-chánh Dalat cấp.

Thỉnh cầu Tòa-án cấp một bản chứng-chỉ thế vì khai sinh

cho con y theo như đơn đã đệ tại bản Toà ngày 22.9.1957

Đương sự dẫn ba nhân chứng sau đây để chứng thực lời khai của y :

1/ - NGUYỄN VĂN TỬ, 42 tuổi, nghề nghiệp Quân-nhân

trú ngụ tại K.B.C 4.287 thẻ căn cước số A 000799

ngày 18/10/1955 do Nha Hành-chánh Bình-Khê cấp.

2/ - LUONG HANG, 35 tuổi, nghề nghiệp Quân-nhân

trú ngụ tại K.B.C 4.287 thẻ căn cước số T-310011 - 00793

ngày 21.10.1955 do Nha Hành-chánh Hòa-Đa cấp.

3/ - ĐINH VĂN SƠN, 40 tuổi, nghề nghiệp Quân-nhân

trú ngụ tại K.B.C 4.287 thẻ căn cước số A 01517

ngày 22/10/1955 do Nha Hành-chánh Hòa-Đa cấp.

Những người chứng này đã tuyên thệ và khai quả quyết biết chắc tên :

LO-TRÌNH-PHÙNG, phái nam, đã sinh ngày mùng chín tháng mười hai đương-

lịch, năm một ngàn chín trăm năm mươi mốt (09.12.1951) tại 18 phố

Quán-sứ HANOI (Bắc-phần) là con ông LO-NGÂN-DZUNG 31 tuổi và bà

NUNG THI DINH 27 tuổi, vợ cả.



ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT12/P3

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Xã, Phường

QĐ số

Huyện, Quận

Ngày

Tỉnh, Thành phố

Số

Quyển số

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên

Bí danh

Sinh ngày tháng

năm hay tuổi

Dân tộc

Quốc tịch

Nghề nghiệp

Nơi đăng ký

nhân khẩu

thường trú

Số giấy chứng minh nhân dân:

hoặc hộ chiếu

Đăng ký ngày 07 tháng 12 năm 1962

Người chồng ký

Người vợ ký

TM. UBND QUẬN HOÀNG MÃI

Trưởng ban

Thư ký



Nguyễn Văn Bính

XÃ PHÚ-THỌ-HOÀ

BIÊN-LAI KHAI-SANH

SS: 55-B

Tên họ đ. nhỏ: Tham Thi Mai Hương (Nam/Nữ)

sinh ngày 10 tháng 12 năm 1982

sinh tại Đ. 57 "Hưng Thúc"

-Còn của Tham Văn Cử 2 (K.L.L. 1373)

và của Nguyễn Thị Cười

hiện cư ngụ tại Đ. Bình

được ghi vào Bọ-sanh của XÃ PHÚ-THỌ-HOÀ, năm 1982

và đã đến khai vào ngày 12 tháng 7 năm 1982

PHÚ-THỌ-HOÀ, ngày 12 tháng 7 năm 1982

Hội-Viện Hộ-Tịch,

Thích

SS: 667172

CHỦNG-NHÂN-Y TÂN-CHÍNH

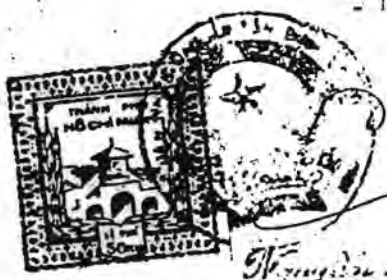
Chức-Tên

Ngày 16

UBND

4 - CHỦ-KH - Chứng đ. nhỏ phải giữ giấy này để tiện việc
trích-lýc khai-sanh cho đ. trở

TÝ VIÊN THU KÝ



Xe, Thị trấn : ————— XH 1700 ————— CC 10

Thị xã, Quận : **10**

Thành phố, Tỉnh : **HCM**

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

So 189

Quyền số.....**21**.....

[illegible]

Họ và tên :	LÊ THIÊN PHƯỚC		Nam, nữ	Nam
Sinh ngày tháng, năm :	Hai mươi sáu, tháng chín, năm một nghìn chín trăm bốn mươi ba (26-9-1943)			
Nơi sinh	Huyện Ninh Hòa			
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ		
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	LÊ THIỆN PHƯỚC 1943	THIỆN THỊ NAI HƯƠNG 1943		
Dân tộc Quốc tịch	Hồng	Hồng		
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	Xí nghiệp công nhân - Đường 20 - Quận 10			
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Đã khai			

NHÂN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày _____ tháng _____ năm _____

TM/UBND _____ ký tên đóng dấu



GOVERNMENT PRINTING OFFICE

DANG BANG

SỞ TƯ PHÁP HUẾ

TÒA H.G.R.Q. BÌNH-THUẬN

Ngày 30 tháng 10 năm 1957

CHỨNG CHỈ THAY GIẤY

KHAI SINH

của tên

LO-KIM-THUY

Số 16.825



ngày Ba mươi tháng Mười hồi Tám giờ.

Trước mặt chúng tôi là **NGUYỄN VĂN MÔ** Chánh-án

Tòa Hòa Giải Rộng Quyền Bình Thuận, ngồi tại văn-phòng ở

Phan Thiết. Có **Lục-sự TRƯƠNG QUANG HIỂN** giúp việc

ĐÃ ĐẾN HẦU

LO-NGÂN-DZUNG

31 tuổi, nghề nghiệp **Quân-nhân**sinh quán tại **Baxat, tỉnh LAOKAY (Bắc-phần)**hiện trú tại **K.B.C 4.287**thẻ căn-cước số **000.479** ngày **9.2.1956**do **Nha Hành-chánh Dalat** cấp.Thỉnh cầu Tòa-án cấp một bản chứng-chỉ thế vì **khai sinh****cho con y** theo như đơn đã đệ tại bản Toà ngày **22.9.1957**

Đương sự dẫn ba nhân chứng sau đây để chứng thực lời khai của y :

1/ **NGUYỄN VĂN TH** 42 tuổi, nghề nghiệp **Quân-nhân**trú ngụ tại **K.B.C 4.287** thẻ căn cước số **A 000.799**ngày **18.10.1955** do **Nha Hành-chánh Bình-Khê** cấp.2/ **LUONG-HANG** 35 tuổi, nghề nghiệp **Quân-nhân**trú ngụ tại **K.B.C 4.267** thẻ căn cước số **F 310011 - 01517**ngày **21.10.1955** do **Nha Hành-chánh Hòa-Đa** cấp.3/ **BINH VAN SON** 40 tuổi, nghề nghiệp **Quân-nhân**trú ngụ tại **K.B.C 4.287** thẻ căn cước số **A 01517**ngày **22.10.1955** do **Nha Hành-chánh Hòa-Đa** cấp.

Những người chứng này đã tuyên thệ và khai quả quyết biết chắc tên :

LO-KIM-THUY, phái nữ, đã sinh ngày **Mùng Bốn tháng Ba** trong-lịch năm **Một Ngàn Chín Trăm Năm Mười Bốn (04.3.1954)** tại **59 Đại-Lộ Lý-Thường-Kiệt HANOI (Bắc-phần)** là con Ông **LO NGÂN DZUNG 31 tuổi** và bà **TRUNG THI BÌNH 27 tuổi, vợ cả**.

WP-0043

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ- PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ- PHÁP NAM- PHẦN
Service Judiciaire du Sud Viêt-Nam

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ HGRQ.DALAT

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH
(Extrait du registre des actes de naissance)

Khu phố Hai, Dalat

(NAM-PHẦN)
(SUD-Viêtnam)

NĂM 1956
(Année)

SỐ HIỆU 259
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	LÔ THỊ MỸ LINH
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nữ
Sinh ngày nào (Date de naissance)	02 tháng 5 năm 1956
Sinh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	Dalat
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Lô ngân Dzung
Cha làm nghề gì. (Sa profession)	Quân nhân
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	---
Tên, họ mẹ. (Nom et prénom de la mère)	Hùng thị Dinh
Mẹ làm nghề gì. (Sa profession)	Bồi trợ
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Dalat
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	---



Chúng tôi,
(Nous)
Chánh-án Toà
(Président du Tribunal)
chứng cho hợp pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)
Ông
(M.)
Chánh-Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en chef du Tribunal)

ngày 195
CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT).

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme),

Dalat, ngày 24.10. 195 8

CHÁNH LỤC-SỰ
(LE GREFFIER EN CHEF)



[Handwritten signature]

BỒI VĂN GIẢN

Giá tiền : 5\$
(Cost)
Biên-lai số :
(Quittance No)

KHAI SANH



Tên, họ đầu nhĩ : LO-THI-TAMM-LOAN Con gái
Phối : Ngày chín tháng Năm, năm một ngàn chín trăm
Sanh : Nhà sinh chín (1-5-1954)
(Ngày tháng năm)
Tại : Dân y viện Đà Lạt
Cha : LO NGÂN DƯƠNG
(Tên, họ)
Tuổi : 1926
Nghề : Sĩ Quan Quân Đội C.H.V.N.
Cư-trú tại : K.B.C.4558
Mẹ : NGUYỄN THỊ DINH
(Tên, họ)
Tuổi : 1930
Nghề : Nội trợ
Cư-trú tại : Số 25 Ngô-quyền Đà Lạt
Vợ : NGUYỄN THỊ DINH (Sinh ngày 1-5-1954 tại Phan-Thiết)
(Chánh hay thứ)
Người khai : LO MINH TÂM
(Tên, họ)
Tuổi : 1924
Nghề : Nội trợ
Cư-trú tại : 25 Ngô-quyền Đà Lạt
Ngày khai : Ngày Mười chín tháng Năm, năm 1959
Người chứng thứ nhất : NGÂN SI THAO
(Tên họ)
Tuổi : 1917
Nghề : Nội trợ
Cư-trú tại : Thị trấn Hoàng Diệu Đà Lạt
Người chứng thứ nhì : ĐÀO THỊ ET
(Tên, họ)
Tuổi : 1936
Nghề : Nội trợ
Cư-trú tại : Số 9 Thị Sách Đà Lạt

Nhận thực trích lục khai sanh
dùng hồ số 209 tại K.P. II
Thị trấn phố Dalat.

Đã ký ngày 29-5-1959.
Hò tại Khu Phố II

TRAIN BUSBY

Lập tại Hồ Chí Minh, ngày 18-5-năm 1959.

Người khai <u>LÔ MINH TÂM</u>	Hộ-lại, <u>TRẦN HỮU TY</u>	Nhân-chứng, <u>NGÂN SI THẢO</u> Đào Thị ET
----------------------------------	-------------------------------	--

Đạt ngày 21 tháng 5 năm 1959

Chlorophyll a b

WP-0043

NAM-PHÂN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ-THÀNH SAIGON

TÒA HÀNH-CHÁNH
QUẬN NĂM

Số hiệu : 6926-B

HỘ-TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH T.20

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi một (1961)

Ấn-quân Ng.-trung-Thành - Saigon

CƯỚC-PHÍ : 103



Tên, họ đứa nhỏ	LÔ-Trịnh-Khôi
Phái	Nam
Ngày sanh	Mười bốn tháng bảy năm một ngàn chín trăm sáu mươi một hồi 23g55 (14-7-61)
Nơi sanh	168 đại-lộ Nguyễn-Tri-Phương
Tên, họ người cha	LÔ-Ngân-Dzung
Tuổi	Ba mươi lăm
Nghề nghiệp	Quân-nhôn
Nơi cư-ngụ	18 đại-lộ Nhân-Vị
Tên, họ người mẹ	Khang-Thị-Dính
Tuổi	Ba mươi một
Nghề-nghiệp	Nội-trợ
Nơi cư-ngụ	18 đại-lộ Nhân-Vị
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 19 tháng 7 năm 1961

1961

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH :

Saigon, ngày 1 tháng 8 năm 1961
Quân-Trưởng, Quận Năm. VP

KHAI SANH

Số hiệu: 1102.

Trên lục y 10 năm 1962
 Phu-nhuan, ngày 11-7-1962
 Hội-Viên B0-Tiền.

Long-run-Chin
 B0-Tiền

Trên lục y 10 năm 1962
 Hội-Viên B0-Tiền.
 Phu-nhuan, ngày 11-7-1962
 Hội-Viên B0-Tiền.



Tên, họ ấu nhi : LO THITH GIANG
 Khái : ĐM
 Sinh : ngày 04 mười chín tháng sáu năm lịch, năm 60
ngày, tháng, năm
 Tại : ở B0 Chi-Lang PHU-NHUAN GIADINH
 Cha : LO-Vân-Dzung
 (Tên, họ)
 Tuổi : 36 tuổi
 Nghề-nghiep : vi-quan DVPH
 Cư-trú tại : Phu-Nhuan, B0-55/A-Vo-Tamh
 Mẹ : ÔNG-thai-binh
 (Tên, họ)
 Tuổi : 32 tuổi
 Nghề-nghiep : trợ
 Cư-trú tại : Phu-Nhuan, B0-55/A-Vo-Tamh
 Vợ : Vo-chanh
 Người khai : LO-Vân-Dzung
 (Tên, họ)
 Tuổi : 30 tuổi
 Nghề-nghiep : vi-quan DVPH
 Cư-trú tại : Phu-Nhuan
 Ngày khai : 3-7-1962
 Người chứng thứ nhất : ÔNG-an-lang
 (Tên, họ)
 Tuổi : 36 tuổi
 Nghề-nghiep : trợ
 Cư-trú tại : Phu-Tao
 Người chứng thứ nhì : LO-Vân-Dzung
 (Tên, họ)
 Tuổi : 34 tuổi
 Nghề-nghiep : trợ
 Cư-trú tại : Saigon.

Làm tại Phu-Nhuan, ngày 3 tháng 7 năm 1962

Người khai,

Họ-lai,

Nhận-chứng.

Dzung

Thinh

Phu-Loc

CHỨNG THẬT

CHỦ Y CỦA QUẢN LÝ

Phu u huon
 12-12-1962
 7-1962

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ NGOẠI-GIAO

Tên: Phạm Văn Chính

VIỆT-NAM

tại: Bangkok



KHAI - SANH

Tên, họ ấu-nhi: LÔ-NGÂN-ĐUONG
 Phái: Nam
 Sinh: 10/5/1965 (ngày, tháng, năm)
 Tại: Bangkok Sanitarium and Hospital
 Cha: LÔ-NGÂN-ĐUONG
 (Tên, họ)
 Tuổi: 39
 Nghề-nghiệp: Sĩ-quan Quân-lực Việt-Nam Cộng-Hòa
 Cư-trú tại: Bangkok
 Mẹ: NGUYỄN-THỊ-DỊNH
 (Tên, họ)
 Tuổi: 35
 Nghề-nghiệp: Nội-trợ
 Cư-trú tại: Bangkok
 Vợ: vợ chính
 Người khai: LÔ-NGÂN-ĐUONG
 (Tên, họ)
 Tuổi: 39
 Nghề-nghiệp: Sĩ-quan Quân-lực Việt-Nam Cộng-Hòa
 Cư-trú tại: Bangkok
 Ngày khai: 10/5/1965
 Người chứng thứ nhất: TC-BẮNG-BAI
 (Tên, họ)
 Tuổi: 34
 Nghề-nghiệp: Sĩ-quan Quân-lực Việt-Nam Cộng-Hòa
 Cư-trú tại: Bangkok
 Người chứng thứ nhì: NGUYỄN-HỮU-TRẠC
 (Tên, họ)
 Tuổi: 44
 Nghề-nghiệp: Sĩ-quan Quân-lực Việt-Nam Cộng-Hòa
 Cư-trú tại: Bangkok

PHÁT TIS

SAC V M CHÍNH
 Bangkok, ngày 26/5/1965
 TL. Đại-Sứ

Phạm Văn Chính

Làm tại Bangkok, ngày 10 tháng 5 năm 1965

Người khai,

Hộ-lại,

Nhân-chứng,

LÔ-NGÂN-ĐUONG

Đại-Sứ

TC-BẮNG-BAI

Ký tên

TRAI-DUONG-HOANG

Ký tên

Ký tên và đóng dấu

NGUYỄN-HỮU-TRẠC

 	 	  LO THI NGOC BICH  
Name : LO TRINH HUNG Exit Permit No : 47942 TH1	Name : TRAN THI NGOC Exit Permit No : 47949 TH1	Name : LO NGOC BAO

 	 	 
Name : LO TRINH PHUONG Exit Permit No : 47950 TH1	Name : PHAM THI HAI HUONG Exit Permit No : N/A	Name : LO THIEN PHUOC

 	 	 
Name : LO KIM THUY Exit Permit No : 47943 TH1	Name : LO THI MY LINH Exit Permit No : 47944 TH1	Name : LO THI THANH LOAN Exit Permit No : 47948 TH1

 	 	 
Name : LO TRINH KHOI Exit Permits No : 47945 TH1	Name : LO TRINH GIANG Exit Permits No : 47946 TH1	Name : LO TRINH HAO Exit Permits No : 47947 TH1

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC & THANH-NIÊN
HỌC-VIỆN QUỐC-GIA NÔNG-NGHIỆP

WP-00 43

CHỨNG-CHỈ TỐT-NGHIỆP

VIỆN-TRƯỞNG HỌC-VIỆN QUỐC-GIA NÔNG-NGHIỆP

Chiếu nghị-định số 1184-GD/PC/NĐ ngày 24-8-1963 và các Nghị-định kế-tiếp ấn-định quy-chế sinh-viên chương-trình học tập và điều-kiện tốt-nghệp.

Chiếu Sắc-lệnh số 174-SL/GD ngày 29-11-1972 cải bién Trung-Tâm Quốc-Gia Nông-Nghệp thành Học-Viện Quốc-Gia Nông-Nghệp.

Sau khi Hội-đồng Giáo-sư xét kết-quả các niên-học và chiếu biên-bản Hội-đồng Giám-khảo xét Luận-trình

CHỨNG-NHẬN :

Đỗ-Trình-Hùng
Lao Klay

Sinh ngày 20 tháng 02 năm 1950 tại

đã hội đủ những điều-kiện để được cấp phát Văn-Bằng Quốc-Gia

KỸ-SƯ CANH-NÔNG

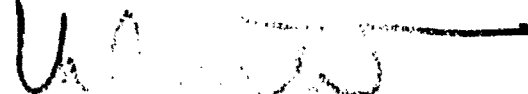
Chuyên khoa Nông-Học

Chứng-chỉ này có hiệu-lực đến ngày phát Văn-Bằng Tốt-nghệp

Saigon, ngày 24 tháng 10 năm 1973

T.U.N. VIỆN-TRƯỞNG HỌC-VIỆN QUỐC-GIA NÔNG-NGHIỆP

GIÁM-ĐỐC TRƯỞNG CAO



CHÁU-VĂN-KHÉ, P.N.D.

Số 691024

WP. 6043

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA
BỘ VĂN - HÓA GIÁO - DỤC & THANH - NIÊN
HỌC - VIỆN QUỐC - GIA NÔNG - NGHIỆP

MIỄN LỆ PHÍ

CHỨNG - CHỈ TỐT - NGHIỆP

VIỆN - TRƯỞNG HỌC - VIỆN QUỐC - GIA NÔNG - NGHIỆP

Chiếu nghị - định số 1184-GD/PC/NĐ ngày 24-8-1963 và các Nghị - định kế - tiếp ấn - định quy - chế sinh - viên chương - trình học tập và điều - kiện tốt - nghiệp.

Chiếu Sắc - lệnh số 174-SL/GD ngày 29-11-1972 cải - biến Trung - Tâm Quốc - Gia Nông - Nghiệp thành Học - Viện Quốc - Gia Nông - Nghiệp.

Sau khi Hội - đồng Giáo - sư xét kết - quả các niên - học và chiếu biên - bản Hội - đồng Giám - khảo xét Luận - trình

CHỨNG - NHẬN :

Trần Thị Ngọc

Sinh ngày **13** tháng **02** năm **1949** tại **Bình - Dương**
đã hội đủ những điều - kiện đề được cấp phát Văn - Bằng Quốc - Gia

KỸ - SƯ CANH - NÔNG

Chuyên khoa Nông Học

Chứng - chỉ này có hiệu - lực đến ngày phát Văn - Bằng Tốt - nghiệp

Saigon, ngày **28** tháng **9** năm **1973**

T. U. N. VIỆN - TRƯỞNG HỌC - VIỆN QUỐC - GIA NÔNG - NGHIỆP

GIÁM - ĐỐC TRƯỞNG CAO - ĐẲNG CANH - NÔNG,

CHÂU VĂN KHÊ, Ph. D.

Số **691040**

LƯU VĂN MƯA
PHỤ TÁ PHƯƠNG TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Xã, Thị trấn: _____

Thị xã, Quận: 10

Thành phố, Tỉnh: Hà Nội, Quận

BẢN SAO GIẤY CHỨNG TỬ

Số 18

Quyển số 01

Họ và tên:	<u>LÊ NGÂN DZUNG</u>
Nam hay nữ:	<u>nam</u>
Sinh ngày tháng năm:	<u>9/10 năm chín' trăm hai mươi sáu'</u> <u>(1926)</u>
Dân tộc:	<u>Kinh</u>
Quốc tịch:	<u>Việt Nam</u>
Nơi ĐKKK thường trú:	<u>95H 1063/9H Sơn La</u>
Ngày tháng năm chết:	<u>Ngày 12 tháng 10 năm 1978</u>
Nơi chết:	<u>Sơn La</u>
Nguyên nhân chết:	<u>Xuất huyết não</u>
Họ tên tuổi người báo tử:	<u>Lê Thị Ngọc Linh</u>
Nơi ĐKKK thường trú:	<u>X7 60/Thị trấn Thanh. Gio.</u>
Số giấy CM giấy CNCC:	<u>6589/TS V</u>
Quan hệ với người chết:	<u>Con</u>

Đăng ký ngày 26 tháng 10 năm 1978

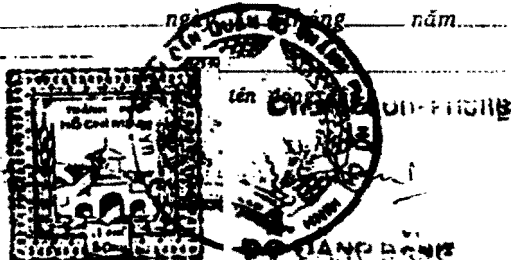
TM/UBND Quận mười

(Ký tên đóng dấu)

Nhận thực sao y bản chính

ngày 26 tháng 10 năm 1978

TN



Ủy viên thư ký/thư ký
tư

Trần Văn Ninh

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA THẺ CÁN-CƯỚC	
	HỌ TÊN: LÔ NOÂN DZUNO
	Ngày sinh: 03-04-1926
	Địa chỉ: Bà Rịa - Vũng Tàu
	Họ cha mẹ: Lô Văn Phú (o)
	Số máy: Số Máy Xuân
Nơi làm việc: X7 CCHH - Phú Thọ Saigon	
Chiều cao: 1,75m Trọng lượng: 60kg Màu mắt: Đen Màu tóc: Đen	
Nơi cấp: Saigon Ngày cấp: 11-01-1970 Nơi làm việc: Phòng Giám Đốc Cảnh Sát Quốc Gia - Quận 10 Chức vụ: Trưởng Ty Cảnh Sát Quốc Gia - Quận 10	
TỔNG VÂN TÌNH	

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu HTy/P3

WP.0043

Xã, Thị trấn : _____

Thị xã, Quận : MŨI

Thành phố, Tỉnh : _____

BẢN SAO GIẤY CHỨNG TỬ

Số 01

Quyển số 01

Họ và tên :	<u>NÙNG THỊ ĐỊNH</u>
Nam hay nữ :	<u>Nữ</u>
Sinh ngày tháng năm :	<u>11-3-1930</u>
Dân tộc :	<u>NÙNG</u>
Quốc tịch :	<u>Việt-Nam</u>
Nơi ĐKNK thường trú :	<u>X. 7 Đường Tô Hiến Thành, Phường 20</u> <u>Quận 10.</u>
Ngày tháng năm chết :	<u>01-01-1983</u>
Nơi chết :	<u>Nhà</u>
Nguyên nhân chết :	<u>BỆNH</u>
Họ tên tuổi người báo tử :	<u>10 TRINH HỒNG</u>
Nơi ĐKNK thường trú :	
Số giấy CM giấy CNCC :	
Quan hệ với người chết :	<u>CON</u>

Đăng ký ngày 07 tháng 01 năm 1983

TM/UBND Quận 10

(Ký tên đóng dấu)

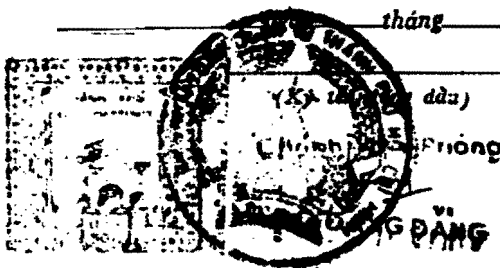
Thị Viên Thư Ký

(Ký tên và đóng dấu)

NGUYỄN VĂN BÊ

Nhận thực sao y bản chính

tháng _____ năm _____



FROM : MISS NUNG TAI TAN

DE FRANCE
18.10.88 18801500
CHARENTE MARITIME
POSTES
S1 17951

OCT 28 1988

petit paquet

TO : Mrs. KHUC - MINH - THO,
President

Families of Vietnamese Political Prisoners Association

P.O. Box 5435

ARLINGTON, VA 22205-0635

U.S.A.



PAR AVION



Le 18 Octobre 1988

Thưa bà,

Tôi rất mừng nhận được thư Ba và Hoi, và xin gửi kèm đây một số tài liệu sưu có - (còn thiếu hồ sơ báo trở, bộ phận và cái cuối), các cháu tôi sẽ gửi tiếp sau đi bộ thư sau và để Hoi có đầy đủ tài liệu mà vận động cho các cháu tôi được sống rồi khỏe hơn tôi lắm. Chúng đang tuyết vọng n- kháng có thân nhân thực tế. Cha ở diện ưu tiên thì đã mất trong trại cải tạo! Bông tai nhân dân của quý Hoi đã nhận lại tia hy vọng mới, tôi và các cháu tôi sẽ đặt hết tin tưởng vào bà và Hoi. Với sự can thiệp và vận động của Ba và Hoi, chắc chắn các cháu tôi sẽ được trở lại Việt Nam một ngày gần đây và mai mai sẽ ghi ơn quý Hoi và Ba.

Bức thư và bản tri ân Ba và Hoi đã chú ý đến tho của cháu tôi và bản chú Ba cũng quý mến và quý Hoi được nhiều sức khỏe, an lành.

Kính thư
Camhurb



**UNION POSTALE
UNIVERSELLE**

**COUPON-RÉPONSE
INTERNATIONAL**

C 22

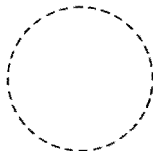
10

Ce coupon est échangeable dans tous les pays de l'Union postale universelle contre un ou plusieurs timbres-poste représentant l'affranchissement minimal d'une lettre ordinaire, expédiée à l'étranger par voie de surface.

Empreinte de contrôle
du pays d'origine

Prix de vente
(indication facultative)

Timbre du bureau qui
effectue l'échange



Dieser Schein wird in allen Ländern des Weltpostvereins gegen ein oder mehrere Postwertzeichen im Gesamtwert der Mindestgebühr für einen gewöhnlichen, auf dem Land- und Seeweg beförderten Auslandsbrief umgetauscht.

This coupon is exchangeable in any country of the Universal Postal Union for one or more postage stamps representing the minimum postage for an unregistered letter sent by surface to a foreign country.

هذه القسيمة قابلة للاستبدال في جميع بلاد الاتحاد البريدي العالمي مقابل طابع بريدي أو عدة طوابع بريدي تمثل قيمة التخليص الدنيا على رسالة عادية مرسلة للخارج بالطريق السطحي.

此券可在万国邮政联盟各国兑换等于寄往国外一封水陆路平信起重资费的邮票

Este cupón podrá canjearse en todos los países de la Unión Postal Universal por uno o varios sellos postales que representen el franqueo mínimo de una carta ordinaria, expedida al extranjero por vía de superficie.

Этот купон обменивается во всех странах Всемирного почтового союза на одну или несколько почтовых марок, представляющих минимальную стоимость оплаты простого письма, отправляемого за границу наземным путем.

WP-0043
1 Hồ sơ hồ trợ
gửi có :

- 1 - Questionnaire ODP
 - 2 - Khai sinh (13 bản)
 - 3 - Hôn thú (2 bản)
 - 4 - Photocopy ảnh 13 ug.
 - 5 - Vài hàng (24)
 - 6 - Khai tử (26)
 - 7 - coupon - response
international (1)
+ 1 Phỏng vấn
-

Phiếu = con thiếp
- Hồ sơ báo trợ
- con cái - CHND
- Hồ khai
sẽ gửi tiếp sau

CONTROL

Card

Doc. Request; Form

Release Order

Computer

in "D"

Date

Membership; Letter

571189